

Số: 49 /TB-ĐTĐH

TP. HCM, ngày 10 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v Quy định học và chuẩn đầu ra tiếng Anh, Quy định về ngoại ngữ hai trong Chương trình đào tạo đối với Sinh viên các Khóa

Hiện nay, Trường đã ban hành các Quy định về học và chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với các ngành không chuyên ngữ, Quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với ngành Ngôn ngữ Anh và Quy định về học ngoại ngữ hai trong Chương trình đào tạo đối với hệ chính quy theo từng khóa học. Trường đã phổ biến các quy định này đến Sinh viên các Khóa. P.ĐTĐH đề nghị Sinh viên đọc toàn văn các quy định này theo từng khóa học, đồng thời, đọc tóm tắt các thông tin chính về điều kiện xét miễn các học phần tiếng Anh, học phần ngoại ngữ 2 trong Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra tiếng Anh như sau:

1. Quy định về học và chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với các ngành không chuyên ngữ

KHÓA NHẬP HỌC	TÍN CHỈ CTĐT	HỌC PHẦN CÓ TÍN CHỈ	ĐIỀU KIỆN XÉT MIỄN TOÀN BỘ CÁC CẤP ĐỘ	CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH (Khi hoàn thành CTĐT và trong thời gian học tối đa của khóa học)
2015	20	4	Trong thời gian đang học tiếng Anh với Trường, SV nộp chứng chỉ: Track tiếng Việt IELTS 5.0; TOEFL iBT 64; Aptis 130 (B1); TOEIC 500	Chứng chỉ B1 IELTS 4.5-5.0; TOEFL iBT 45-60; Aptis 90-129; TOEIC 450-499
2016	20	4	Track tiếng Anh IELTS 5.5; Aptis 134 (B2); TOEIC 530	
2017	20	4		
2018	20	4	Trong thời gian đang học tiếng Anh với trường, SV nộp chứng chỉ: IELTS 5.5; TOEFL iBT 70; Aptis 134; TOEIC 530	Chứng chỉ B1 IELTS 4.5-5.0; TOEFL iBT 45-60; Aptis 90-129; VEPT: 43-58; TOEIC 450-499
2019	20	4		
2020	20	4		
2021	15	3	Trước tuần 10 của HK1 theo lộ trình mẫu, SV nộp chứng chỉ: IELTS 5.5; TOEFL iBT 70; APTIS 148 (B2); TOEIC 4 kỹ năng (Nghe & Đọc 600; Nói & Viết 240)	Chứng chỉ B1 IELTS 4.5-5.0; TOEFL iBT 45-60; APTIS 90-129; VEPT 43-58; TOEIC 450-499
2022	10	2	Trước tuần 10 của HK1 theo lộ trình mẫu, SV nộp CC: IELTS 5.5; TOEFL iBT 70; APTIS B2; VEPT 59-66; TOEIC 4 kỹ năng (Nghe & Đọc 600; Nói & Viết 240)	

2. Quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với ngành Ngôn ngữ Anh

Sau khi đã hoàn thành các tín chỉ theo yêu cầu của Chương trình đào tạo và còn trong thời gian học tối đa, sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh (đơn ngành và song bằng) phải nộp chứng chỉ tiếng Anh làm chuẩn đầu ra theo từng khóa học và chuyên ngành như sau:

KHÓA NHẬP HỌC	CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH NGÔN NGỮ ANH (Sau khi hoàn thành CTĐT và trong thời gian tối đa của khóa học)
2015	Chứng chỉ C1 Chuyên ngành Biên - Phiên dịch, Giảng dạy tiếng Anh: Aptis 161-200 (C1), IELTS 6.5-7.0; TOEFL iBT 79-95; TOEIC 4 kỹ năng có điểm Nghe và Đọc 800-850;
2016	
2017	Chuyên ngành Anh văn thương mại, Truyền thông doanh nghiệp: Aptis 161-200 (C1); IELTS 6.5-7.0; TOEFL iBT 79-95; TOEIC 700-789 (không phân biệt 2 hoặc 4 kỹ năng);
2018	Chứng chỉ C1 Chuyên ngành Biên - Phiên dịch, Giảng dạy tiếng Anh: Aptis 161-200; IELTS 6.5-7.0; TOEFL iBT 79-95; TOEIC 4 kỹ năng có Nghe & Đọc 800-850 và Nói & Viết 300; Chuyên ngành Anh văn thương mại, Truyền thông doanh nghiệp: Aptis 161-200; IELTS 6.5-7.0; TOEFL iBT 79-95; TOEIC 700-789 (không phân biệt 2 hoặc 4 kỹ năng);
2019	
2020	
2021	
2022	Chứng chỉ C1 Chuyên ngành Biên – Phiên dịch, Giảng dạy tiếng Anh: Aptis C; VEPT 76-84; IELTS 6.5-7.0; TOEIC 4 kỹ năng có Nghe&Đọc 800-850 và Nói&Viết 300; TOEFL iBT 79-95; Chuyên ngành Anh văn thương mại, Truyền thông doanh nghiệp: Aptis C; VEPT 76-84; IELTS 6.5-7.0; TOEIC 2 kỹ năng 700; TOEFL iBT 79-95;

3. Quy định về học ngoại ngữ hai trong Chương trình đào tạo đối với hệ chính quy

3.1 Đối tượng áp dụng:

- Đối với SV ngành Ngôn ngữ Anh (đơn ngành và song bằng): phải học 04 cấp độ ngoại ngữ 2 trong CTĐT;
- Đối với SV không chuyên ngữ gồm các ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành, Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống, Quản trị khách sạn: phải học 02 cấp độ ngoại ngữ 02 trong CTĐT.

3.2 Bảng tóm tắt các điều kiện xét miễn các cấp độ ngoại ngữ 2

KHÓA NHẬP HỌC	ĐIỀU KIỆN XÉT MIỄN 04 CẤP ĐỘ	ĐIỀU KIỆN XÉT MIỄN CẤP ĐỘ 1 và 2
2015	SV nộp chứng chỉ trước HK4 theo lộ trình mẫu hoặc trong quá trình đang học NN2 theo lộ trình mẫu tại Trường; chứng chỉ còn giá trị tại thời điểm nộp	
đến	- JLPT/NAT-TEST (N4); - HSK 2/ TOCFL cấp độ 2; - DELF A2/ TCF 250 điểm; - S-TOPIK I, cấp độ 2/ KLPT 250 điểm.	- JLPT/NAT-TEST (N5); - HSK 1/ TOCFL cấp độ 1; - DELF A1/ TCF 150 điểm; - TOPIK I, cấp độ 1/ KLPT - 150 điểm.
2018		

KHÓA NHẬP HỌC	ĐIỀU KIỆN XÉT MIỄN 04 CẤP ĐỘ	ĐIỀU KIỆN XÉT MIỄN CẤP ĐỘ 1 và 2
2019	SV nộp chứng chỉ trước HK4 theo lộ trình mẫu hoặc trong quá trình đang học NN2 theo lộ trình mẫu tại Trường; chứng chỉ còn giá trị tại thời điểm nộp	
	<ul style="list-style-type: none"> - JLPT/NAT-TEST (N4); - HSK 5/ TOCFL B1; - DELF A2/ TCF 250 điểm; - S-TOPIK I, cấp độ 2/ KLPT 250 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - JLPT/NAT-TEST (N5); - HSK 4/ TOCFL A2; - DELF A1/ TCF 150 điểm; - TOPIK I, cấp độ 1/ KLPT - 150 điểm.
2020 & 2021	SV nộp chứng chỉ trước HK4 theo lộ trình mẫu hoặc trong quá trình đang học NN2 theo lộ trình mẫu tại Trường; chứng chỉ còn giá trị tại thời điểm nộp	
	<ul style="list-style-type: none"> - JLPT/NAT-TEST (N4); - HSK 5/ TOCFL B1; - DELF A2/ TCF 250 điểm; - TOPIK I, cấp độ 2/ KLPT 250 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - JLPT/NAT-TEST (N5); - HSK 4/ TOCFL A2; - DELF A1/ TCF 150 điểm; - TOPIK I, cấp độ 1/ KLPT 150 điểm.
2022	SV nộp chứng chỉ trước tuần 16 của HK3 theo lộ trình mẫu, chứng chỉ còn giá trị tại thời điểm nộp	
	<ul style="list-style-type: none"> - JLPT/NAT-TEST (N3); - HSK 5/ TOCFL 3 (CEFR B1); - DELF B1/ TCF 300 điểm; - S-TOPIK II, cấp độ 3/ KLPT 300 điểm. 	<p>Miễn cấp độ 1 và 2 đối với các ngành không chuyên ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - JLPT/NAT-TEST (N4); - HSK 4/ TOCFL 2 (CEFR A2); - DELF A2/ TCF 200 điểm; - S-TOPIK I, cấp độ 2/ KLPT 200 điểm. <p><i>SV ngành Ngôn ngữ Anh (đơn ngành và song bằng) không xét miễn giảm cấp độ 1 và 2.</i></p>

P. ĐTDH đã công khai các quy định này tại website của P.ĐTDH để Sinh viên đọc và thực hiện. Sinh viên cần giải đáp thắc mắc liên hệ Phòng Đào tạo đại học, Thầy/Cô Giám đốc chương trình, Cố vấn học tập để được cung cấp thông tin và giải đáp.

- Địa chỉ website P. ĐTDH: <https://www.hoasen.edu.vn/dtdh/>
- SV truy cập thẻ: Văn bản – Biểu mẫu, Quy định để đọc các văn bản liên quan đến từng ngành/khóa học.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- SV các khóa (để t/h);
- Cố vấn học tập (để ph/h);
- Khoa, TT.TNVLSV (để ph/h);
- Lưu: ĐTDH.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Tiến Lập